

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày: 07 – 7 – 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

và mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Phước**

2. Ông **Phan Văn Chiếu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Út A**, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: A **Lê Minh L**, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 12 năm 2019, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:**

Vào ngày 07/10/2015, bà có cho bà Nguyễn Út A vay số tiền 4.270.000 đồng, vay không có lãi suất, thỏa thuận 20 ngày sẽ trả lại, khi vay không có làm biên nhận, bà chỉ ghi sổ tự theo dõi. Sau khi vay tiền, bà A không trả vốn và cũng

không đóng lãi. Ngoài ra do bà bán tạp hóa nên bà A có mua tạp hóa tại tiệm của bà và nợ bà số tiền là 540.000 đồng. Đến ngày 10/5/2017, bà tiếp tục cho bà A vay số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1,6%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng, khi vay không có làm giấy tờ, đến hạn bà A không trả nợ cho bà như thỏa thuận nên đối với khoản vay này bà A còn nợ bà tiền vốn là 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà A phải trả cho bà số tiền mua tạp hóa còn nợ là 540.000 đồng và tiền vốn vay còn nợ là 9.270.000 đồng, đồng thời bà yêu cầu tính lãi trên số tiền vốn vay 5.000.000 đồng từ ngày 10/5/2017 cho đến nay với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Ngoài ra bà không còn yêu cầu gì khác.

*** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án của bị đơn và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Lê Minh L trình bày:**

Bà Nguyễn Út A thừa nhận có nợ bà D tiền mua tạp hóa là 540.000 đồng và đồng ý trả theo yêu cầu của bà D. Đối với khoản tiền vay thì bà A thừa nhận vào khoảng tháng 10/2015 bà A chỉ vay của bà D số tiền 1.500.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 15.000 đồng/ngày. Sau khi vay bà A đã đóng lãi cho bà D số tiền 11.000.000 đồng và chưa trả gốc. Ngoài ra, bà A thừa nhận vào ngày 10/5/2017 bà A có vay của bà D số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 15%/tháng, sau khi vay bà A đã đóng lãi cho bà D số tiền hơn 30.000.000 đồng, trả vốn được 3.000.000 đồng, chỉ còn lại tiền vốn là 2.000.000 đồng. Các lần bà A vay tiền của bà D cũng như đóng lãi và trả vốn đều không làm biên nhận và không có ai chứng kiến, bà A không yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã đóng cho bà D. Nay bà A chỉ đồng ý trả cho bà D tiền mua tạp hóa còn nợ là 540.000 đồng và tiền vốn vay là 3.500.000 đồng, tổng cộng là 4.040.000 đồng và không đồng ý trả lãi.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đối với tiền mua tạp hóa bà A thừa nhận còn nợ 540.000 đồng nên buộc bà A có nghĩa vụ trả cho bà D. Đối với số tiền vay ngày 07/10/2015, bà A chỉ thừa nhận vay 1.500.000 đồng, bà D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho bà A vay 4.270.000 đồng nên chỉ chấp nhận bà A có nghĩa vụ trả cho bà D 1.500.000 đồng, bà D không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết. Đối với khoản vay ngày 10/5/2017, bà A thừa nhận vay số tiền 5.000.000 đồng và cho rằng đã trả cho bà D số tiền gốc 3.000.000 đồng, nhưng bà D không thừa nhận, bà A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên bà A có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền gốc 5.000.000 đồng. Bà D yêu cầu tính lãi trên số tiền vay 5.000.000 đồng từ ngày vay là ngày 10/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,6%/tháng là phù hợp với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Từ ngày 10/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/7/2020) là 03 năm 01 tháng 27 ngày là 3.154.500 đồng.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc bà A có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền mua bán 540.000 đồng, tiền vay

6.500.000 đồng và tiền lãi 3.154.500 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà D đòi với số tiền 2.770.000 đồng.

Về án phí: Bà A phải chịu 509.725 đồng. Bà D phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà D khởi kiện yêu cầu bà A trả tiền vay và tiền mua tạp hóa, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, bà A đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Xét yêu cầu đòi với tiền mua tạp hóa: Bà A thừa nhận nợ bà D tiền mua tạp hóa 540.000 đồng và đồng ý trả cho bà D. Sự thừa nhận của bà A về số tiền mua tạp hóa là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà D, buộc bà A trả cho bà D số tiền mua tạp hóa 540.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu đòi với số tiền vay 4.270.000 đồng: Bà D xác định vào ngày 07/10/2015 bà cho bà A vay số tiền 4.270.000 đồng, tuy nhiên bà A chỉ thừa nhận vay của bà D số tiền 1.500.000 đồng. Bà D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho bà A vay số tiền 4.270.000 đồng nên chỉ chấp nhận yêu cầu của bà D trên cơ sở sự thừa nhận của bà A, buộc bà A có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền 1.500.000 đồng, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D yêu cầu bà A trả số tiền vay 2.770.000 đồng. Đối với số tiền vay này bà D không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét yêu cầu đòi với số tiền vay 5.000.000 đồng: Bà A thừa nhận có vay của bà D số tiền vốn là 5.000.000 đồng, nhưng bà A đã trả cho bà D được số tiền 3.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ tiền gốc là 2.000.000 đồng. Xét thấy lời trình bày của bà A về việc đã trả cho bà D được số tiền gốc 3.000.000 đồng là không có cơ sở vì bà A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, trong khi bà D không thừa nhận. Do đó, bà D yêu cầu bà A phải trả số tiền gốc còn nợ 5.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu tính lãi: Bà A xác định đối với số tiền vốn vay 5.000.000 đồng bà A đã đóng lãi cho bà D được số tiền hơn 30.000.000 đồng, nhưng bà A không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh và bà D không thừa nhận bà A có đóng lãi nên lời trình bày của bà A là không có cơ sở để được chấp nhận. Do đó, bà D yêu cầu tính lãi từ ngày vay trên số tiền vốn vay 5.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất vay tiền vào ngày 10/5/2017, Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên xét thấy bà D xác định khi vay thỏa thuận lãi suất 1,6%/tháng, trong khi bà A xác định lãi suất là 15%/tháng, do các bên có tranh chấp về lãi suất nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468

của Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận lãi suất là 10%/năm. Bà D yêu cầu tính lãi từ ngày vay là ngày 10/5/2017 đến ngày xét xử (ngày 07/7/2020) là 03 năm 01 tháng 27 ngày x 10%/năm x 5.000.000 đồng = 1.579.000 đồng.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với tiền mua tạp hóa và tiền vay gốc là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ theo quy định tại Điều 440 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà D: Buộc bà A có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền mua tạp hóa là 540.000 đồng và số tiền vay là 8.079.000 đồng (trong đó tiền gốc là 6.500.000 đồng và tiền lãi là 1.579.000 đồng). Tổng cộng là 8.619.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D yêu cầu bà A trả số tiền vay là 2.770.000 đồng.

[8] Về án phí: Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên yêu cầu của bà D được chấp nhận theo quy định. Bà D phải chịu án phí trên yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 430, 440, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D. Buộc bà Nguyễn Út A có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền mua tạp hóa là 540.000 đồng và số tiền vay là 8.079.000 đồng (trong đó tiền gốc là 6.500.000 đồng và tiền lãi là 1.579.000 đồng). Tổng cộng là 8.619.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D yêu cầu bà Nguyễn Út A trả số tiền vay là 2.770.000 đồng.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Út A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 430.000đ. Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí 300.000 đồng. Bà D đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004542 ngày 17/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yên Ly